TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường quyền sử dụng đất",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/. Bà Lâm Thị Bích Th sinh năm 1977; trú tại: số 2, khóm M, phường N, thành P, tỉnh Trà Vinh.

2/. Bà Nguyễn Thị Đức Tr sinh năm 1951; trú tại: B159/66B, Xóm C, phường M, quận N, Tp.HCM.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H sinh năm 1975; trú tại: số 200 P, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Sơn L sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Trà Vinh; hiện trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Huỳnh Thiên Ph sinh năm 1969; trú tại: số 2, P, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thiên Ph là: Ông Nguyễn Thanh H sinh năm 1975; trú tại: số 200 P, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Lê Văn B sinh năm 1969; trú tại: khóm M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr, cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà Th có quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và bà Tr có quyền sử dụng đất thửa số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc thửa đất 257, 522 là do bà Th và bà Tr chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Võ Bích Ng vào năm 2008. Bà Th và bà Tr sử dụng hai thửa đất 257, 522 này để nuôi tôm nhưng do thua lỗ nên nghỉ nuôi. Đến năm 2019 dịch Covid – 19 bùn phát, do đó bà Th và bà Tr không có đến quyền sử dụng đất để trông coi. Đến năm 2022 bà Th và bà Tr phát hiện ông Lê Sơn L sử dụng hai thủa đất 257, 522 trái phép để nuôi tôm công nghệ cao.

Bà Th và bà Tr gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã N đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất. Tại phiên hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã N bà Th và Tr đồng ý cho ông L thuê lại quyền sử dụng đất từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2023 là 100.000.000 đồng và thời gian trước đó là từ 01/2021 đến tháng 5/2022 là 60.000.000 đồng, tuy nhiên ông L chỉ đồng ý thời gian thuê từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2023 là 100.000.000 đồng, còn thời gian trước đó từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022 là 60.000.000 đồng thì ông L không ý. Do đó bà Th và bà Tr khởi kiện ra Tòa án.

Nay ông đại diện theo ủy quyền của bà Th và bà Tr yêu cầu ông L di dời toàn bộ tài sản ra khỏi thửa đất 257 và 522 để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Th tại quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và bà Tr tại quyền sử dụng đất thửa đất số 522, tờ bản đồ

số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Ông L bồi thường quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr là 60.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa ông Lê Sơn L trình bày:

Khoảng năm 2020 -2021 ông có hùn nuôi tôm với ông Lê Văn B với hình thức ông B có quyền sử dụng đất, ông bỏ toàn bộ vốn để đầu tư nuôi tôm công nghệ cao. Lúc hùn với ông B ông không biết quyền sử dụng đất thửa 257 và 522 là của bà Th và bà Tr mà chỉ nghe ông B nói là quyền sử dụng đất của chủ cũ cho ông sử dụng lâu dài để giữ đất nên ông mới hùn nuôi tôm với ông B với thời hạn 05 năm.

Tại phiên hòa giải ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trả lại hai thửa đất 257, 522 và có yêu cầu bà Th và bà Tr trả lại chi phí đầu tư cho ông số tiền 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên ông không làm đơn yêu cầu phản tố là do để tính lại chi phí với phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay ông đồng ý thu hoạch tôm và di dời tài sản trả hai thửa đất 257 và 522 cho bà Thảo và bà Trinh; yêu cầu nguyên đơn bà Th và bà Tr hỗ trợ chi phí di dời nhưng do phía nguyên đơn tự quyết định chứ ông không đưa ra số tiền yêu cầu cụ thể.

- Tại biên bản ghi lời khai, lời khai tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B trình bày:

Năm 2006 ông được ông A là chủ quyền sử dụng đất giao cho ông giữ dùm, khi nào có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì báo cho ông hay. Tuy nhiên ông cũng không biết rõ ông A ở đâu vì khi giao đất cho ông giữ dùm đến nay không có gặp. Khi giữ dùm quyền sử đất này thì ông có sử dụng đất để nuôi tôm (nuôi lang). Đến khoảng năm 2020 – 2021 ông có hùn nuôi tôm với ông L trên thửa đất 257, 522 này với hình thức: ông L là người bỏ vốn đầu tư làm ao nuôi công nghệ cao, con giống và thức ăn nuôi tôm, nuôi nếu có lãi thì chia, tuy nhiên từ khi nuôi đến nay chưa có lãi nên chưa có chia. Khi sử dụng quyền sử dụng đất thì ông hoàn toàn không biết 257, 522 là của bà Th và bà Tr đến khi Tòa án gửi giấy mời thì ông mới biết. Nay yêu cầu khởi kiện của bà Th và bà Tr do ông L quyết định, ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Theo biên bản ghi lời khai bà Võ Bích Ng trình bày:

Năm 2008 bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 1, diện tích 32.923m^2, đất tọa lạc ấp M, xã N, thị xã P do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà là người trực tiếp dẫn bà Th và bà Tr xuống xem hiện trạng đất, đo đạc lại đất và giao quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà Th và bà Tr thực hiện. Việc ông L và ông B sử dụng quyền sử dụng đất mà bà đã chuyển nhượng thì bà hoàn toàn không biết và bà

cũng không quen biết hai người này, bà cũng không có cho ông L và ông B mượn quyền sử dụng đất hoặc cho thuê quyền sử đất này. Việc ông L và ông B sử dụng quyền sử dụng đất không liên quan gì đến bà, theo bà việc sử đất này là hoàn toàn trái pháp luật, do đó bà Th và bà Tr có quyền đòi lại quyền sử dụng đất.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B không phát biểu ý kiến tranh luận.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án thực hiện theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo Công văn của Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thể hiện: quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất thửa đất số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc do bà Th và bà Tr chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ bà Ng. Bà Th và bà Tr không cho ông L và ông B mượn hoặc cho thuê quyền sử dụng đất thửa 257, 522, tuy nhiên ông Bé giao cho ông Lâm sử dụng đất để nuôi tôm là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th và bà Tr trong việc thực hiện quyền của người sử dụng đất. Việc bà Th và bà Tr yêu cầu bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất 60.00.000 đồng là cũng như tiền ông L thuê đất. Do đó việc bà Th và bà Tr đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận.

Từ cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và bà Tr. Buộc ông L di dời tài sản trên thửa đất 257, 522 và thu hoạch tôm và trả cho bà Thảo quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và trả cho bà Tr quyền sử dụng đất thửa đất số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc ông L bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr số tiền 60.000.000 đồng. Về án phí, chi phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà Th và bà Tr khởi kiện yêu cầu ông L trả lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất. Bị đơn ông L có địa chỉ cư trú ấp M, xã N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà Tr và ông Ph là ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th và bà Tr, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc quyền sử dụng đất đang tranh chấp: Theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa bà Ng với bà Th và bà Tr thể hiện: năm 2008 bà Ng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Th tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tr tại thửa 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh. Đây là tình tiết có thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Việc sử dụng quyền sử dụng đất thửa 257 và 522: Quyền sử dụng đất thửa 257 của bà Th và quyền sử dụng đất thửa 522 của bà Tr được chuyển nhượng từ bà Ng đúng theo quy định pháp luật, bà Th đứng tên quyền sử đất thửa 257 và bà Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 522 là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Bà Th và bà Tr không cho ông L và ông B mượn quyền sử dụng đất hoặc không cho ông L và ông B thuê quyền sử dụng đất. Bà Ng là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr cũng không có cho ông L và ông B mượn quyền sử dụng đất hoặc cho ông L và ông B thuê quyền sử dụng đất. Việc ông B cho rằng được người sử dụng đất cũ là ông A giao cho ông quản lý dùm là không có căn cứ, vì qua xác minh thì không có chủ sử dụng đất nào tên A. Việc ông L và ông B sử dụng đất thửa 257, 522 để hùn nuôi tôm mà không được bà Th và bà Tr cho mượn hoặc cho thuê quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th và bà Tr trong việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Tại phiên tòa ông L cũng đồng ý thu hoạch tôm, di dời tài sản và trả lại quyền sử dụng đất tại thửa 257 và 522 cho bà Th và bà Tr, ông B cũng thống nhất ý kiến như ông L. Do đó bà Th và bà Tr yêu cầu ông L di dời tài sản và trả lại quyền sử dụng đất thửa 257 và 522 là có căn cứ.

[3.3] Bà Th và bà Tr không thực hiện được quyền sử dụng đất tại thửa 257 và 522 từ năm 2021 đến nay là do bị ông L sử dụng trái phép là trên 03 năm. Tại phiên hòa giải của Ủy ban nhân dân xã N bà Th và bà Tr cũng có thiện chí cho ông L thuê lại quyền sử dụng đất 01 năm là 100.000.000 đồng và yêu cầu ông L

trả tiền sử dụng đất từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022 là 60.000.000 đồng thì ông L không đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng. Việc bà Th và Tr yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất 60.000.000 đồng là hợp lý và có căn cứ.

[4] Việc ông L yêu cầu bà Th và bà Tr hỗ trợ chi phí di dời, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã ra thông báo cho ông L làm đơn yêu cầu phản tố, tuy nhiên ông L không thực hiện. Tại phiên tòa ông L yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời nhưng không xác định được chi phí bao nhiêu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ cở sở phân tích nêu trên tại các mục [3], [4] Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th và bà Tr. Buộc ông L thu hoạch tôm, di dời tài sản ra khỏi hai thửa đất 257 và 522 gồm: 14 dàn quạt nuôi tôm; 60 cây trụ bê tông dài 02m; 260m lưới khổ 1,5m^2; 6.000m^2 bạc nuôi tôm; 01 đường dây điện dài 500m và 01 bình hạ thế 75KW; 06 cái máy nổ D9; 14 mô tơ 03 ngựa và 14 hộp giảm tốc; 06 hệ thống bơm nước; 04 cái máy chạy oxy; 02 cái máy cho tôm ăn; 01 cái máy phát điện; 01 chồi nuôi tôm, cây gỗ tạp, vách lá, mái lá, nền láng xi măng, diện tích 8m x 14m = 112m^2. Buộc ông L trả lại cho bà Th quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và trả cho bà Tr quyền sử dụng đất thửa số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc ông L bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất cho bà Th và bà Tr số tiền 60.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bà Th và bà Tr được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo lai thu số 0009867 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Đối với bà Tr là người trên 60 tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không hoàn trả lại án phí. Bị đơn ông L chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch cho phần yêu cầu của nguyên đòi lại tài sản được chấp nhận và 3.000.000 đồng án phí có giá ngạch cho phần bồi thường thiệt hại 60.000.000 đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Bà Th và bà Tr không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Th được trả lại số tiền 223.500 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải và số tiền 1.776.500 đồng khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải thu của ông L số tiền 1.776.500 đồng. Ông L phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.776.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 164, 166, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 166, 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr.

- Buộc ông Lê Sơn L thu hoạch tôm và tháo dở, di dời tài sản trên quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Tr đứng tên quyền sử dụng đất gồm: 14 dàn quạt nuôi tôm; 60 cây trụ bê tông dài 02m; 260m lưới khổ 1,5m^2; 6.000m^2 bạc nuôi tôm; 01 đường dây điện dài 500m và 01 bình hạ thế 75KW; 06 cái máy nổ D9; 14 mô tơ 03 ngựa và 14 hộp giảm tốc; 06 hệ thống bơm nước; 04 cái máy chạy oxy; 02 cái máy cho tôm ăn; 01 cái máy phát diện; 01 chồi nuôi tôm, cây gỗ tạp, vách lá, mái lá, nền láng xi măng, diện tích 8m x 14m = 112m^2.

- Buộc ông Lê Sơn L trả lại cho bà Lâm Thị Bích Th quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.458m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Lâm Thị Bích Th đứng tên quyền sử dụng đất và buộc ông Lê Sơn L trả cho bà Nguyễn Thị Đức Tr quyền sử dụng đất thửa số 522, tờ bản đồ số 1, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, diện tích 16.465m^2, đất toạ lạc ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị Đức Tr đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Lê Sơn L bồi thường cho bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không xem xét yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời của ông Lê Sơn Lâm.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Bích Th số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo lai thu số 0009867 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Buộc ông Lê Sơn L chịu 3.300.000 án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Lâm Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Đức Tr không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Trả lại cho bà Lâm Thị Bích Th số tiền 223.500 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải và số tiền 1.776.500 đồng khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải thu của ông Lê Sơn L số tiền 1.776.500 đồng. Ông Lê Sơn L phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.776.500 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Truyền